

Số: 48/QĐ-T2-ĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-VKSTC-T2 ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-T2-ĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 194/VKSTC-V15 ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc cho ý kiến về Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đ/c Hồ Đức Anh, PVT VKSND tối cao (để b/c);
- Vụ Tổ chức cán bộ (để b/c);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, Phòng ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


TS. Nguyễn Văn Khoát

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025

HÀ NỘI, 2025

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Tên cơ sở đào tạo	1
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh	1
3. Địa chỉ các trụ sở	1
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử	1
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh	1
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh	1
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường	1
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	1
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	1
2. Mô tả phương thức tuyển sinh	2
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh	8
4. Chỉ tiêu tuyển sinh	8
5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo	13
6. Tổ chức tuyển sinh	19
7. Chính sách ưu tiên	20
8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển	27
9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh	27
10. Các nội dung khác	27
11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất	28
Phụ lục 01	
Phụ lục 02	

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DKS
3. Địa chỉ các trụ sở: Số 59, ngõ 230, đường Ý La, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://kiemsat.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02433580467 - 02432878340 - 02433581280 - 02433581500; Fax: 02433580476.
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh: <https://kiemsat.edu.vn>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): <https://kiemsat.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát

1.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát phải đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu về ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường và các điều kiện đặc thù về sức khỏe, kết quả rèn luyện, kết quả học tập, lý lịch (đạt sơ tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tại VKSND cấp tỉnh của năm 2025) theo những tiêu chí cụ thể như sau:

a) Về học lực và hạnh kiểm

- Thí sinh đăng ký dự tuyển theo phương thức 1, 2, 3, 4, 5 đạt điều kiện về kết quả rèn luyện, kết quả học tập như sau: Kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở

lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước).

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 6 (xét điểm thi THPTQG) đạt điều kiện về kết quả rèn luyện, kết quả học tập như sau: Kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 10, lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 10, lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước).

b) Về độ tuổi

Thí sinh đăng ký xét tuyển không quá 25 tuổi (tính đến năm dự thi).

c) Về tiêu chuẩn chính trị

Thí sinh là công dân Việt Nam, là Đảng viên hoặc Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh, có lịch sử chính trị rõ ràng, tuyệt đối trung thành và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc vợ/chồng chưa từng vi phạm pháp luật hình sự đến mức bị kết án, trừ các vi phạm pháp luật hình sự về giao thông.

d) Về tiêu chuẩn sức khỏe

Người đăng ký xét tuyển đại học phải có đủ sức khỏe để học tập, công tác, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Nam: Chiều cao từ 1,60m trở lên; Nặng 50 kg trở lên.
- Nữ: Chiều cao từ 1,55m trở lên; Nặng 45 kg trở lên.
- Không bị dị hình, dị dạng, khuyết tật, không nói ngọng, nói lắp, không mắc bệnh kinh niên, mãn tính.

1.1.2. Phạm vi, khu vực tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước và được chia thành 2 khu vực: Miền Bắc từ Quảng Bình trở ra, miền Nam từ Quảng Trị trở vào.

1.2. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh ngành Luật, ngành Luật kinh tế

1.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu về ngưỡng đầu vào và của từng phương thức tuyển sinh.

1.2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

2.1. Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát

a) Phương thức 1 (kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt sơ tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tại VKSND cấp tỉnh của năm 2025 (sau đây gọi tắt là đạt sơ tuyển); kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đáp ứng điều kiện theo quy định tại mục 7.1 và điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

b) Phương thức 2 (kết hợp giữa sơ tuyển và xét tuyển kết quả học tập THPT của thí sinh học tại trường THPT Chuyên hoặc có hệ thống lớp Chuyên trực thuộc đại học, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt sơ tuyển năm 2025; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Tổ hợp môn xét tuyển gồm: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

- Điểm xét tuyển (ĐXT)

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{ĐU'T}$ (nếu có), trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2$;

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2$;

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2$.

Lưu ý: ĐTB là điểm trung bình; ĐU'T là điểm ưu tiên, trong đó:

+ Tổ hợp môn A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Vật lý, ĐTB môn 3 là Hóa học;

- + Tổ hợp môn A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Vật lý, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh;
- + Tổ hợp môn C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Ngữ văn, ĐTB môn 3 là Vật lý;
- + Tổ hợp môn C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Ngữ văn, ĐTB môn 3 là Hóa học;
- + Tổ hợp môn C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Ngữ văn, ĐTB môn 3 là Lịch sử;
- + Tổ hợp môn C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Ngữ văn, ĐTB môn 3 là Địa lý;
- + Tổ hợp môn D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Ngữ văn, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh;
- + Tổ hợp môn D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Hóa học, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh;
- + Tổ hợp môn D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Toán, ĐTB môn 2 là Lịch sử, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh;
- + Tổ hợp môn D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Ngữ văn, ĐTB môn 2 là Lịch sử, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh;
- + Tổ hợp môn D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh) thì ĐTB môn 1 là Ngữ văn, ĐTB môn 2 là Địa lý, ĐTB môn 3 là Tiếng Anh.

c) Phương thức 3 (kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả học tập THPT và điểm chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic): ≥ 6.0 hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt sơ tuyển năm 2025; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); có chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic) ≥ 6.0 hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2 (có giá trị đến ngày 01/10/2025); đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 3:

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{Điểm cộng (chứng chỉ IELTS học thuật (Academic) hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2)} + \text{ĐUT (nếu có)}$, trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2$;

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2;$

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^1.$

d) Phương thức 4 (kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả thi Học sinh giỏi Quốc gia (giải khuyến khích) hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt sơ tuyển năm 2025; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh; đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Điểm xét tuyển:

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{Điểm cộng (giải học sinh giỏi)} + \text{ĐU'T (nếu có)},$ trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2;$

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2;$

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^2.$

e) Phương thức 5 (kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt sơ tuyển năm 2025; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá Tốt (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Giỏi trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Tốt trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); có kết quả thi ĐGNL đạt tối thiểu 70/150 điểm (kỳ thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức) hoặc đạt tối thiểu 700/1200 điểm (kỳ thi ĐGNL do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức); đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Điểm xét tuyển:

¹ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

² Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

ĐXT = Kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đạt tối thiểu 70/150 điểm hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đạt tối thiểu 700/1200 (sau khi được quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển).

g) Phương thức 6 (kết hợp giữa sơ tuyển và xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm học 2024-2025): Thí sinh đăng ký dự thi THPTQG năm 2025 các môn thi tương ứng với các tổ hợp môn: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

- Điểm xét tuyển (ĐXT) đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 6:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}) + \text{Điểm cộng} + \text{ĐU'T (nếu có)}^3$$

2.2. Ngành Luật, ngành Luật kinh tế

a) Phương thức 7 (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đáp ứng điều kiện theo quy định tại mục 7.2 và điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

b) Phương thức 8 (xét tuyển kết quả học tập THPT): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Tổ hợp môn xét tuyển: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07

³ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

(Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

- Điểm xét tuyển (ĐXT)

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{ĐU'T (nếu có)}$, trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2$;

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2$;

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^4$.

c) Phương thức 9 (xét kết quả học tập THPT và điểm chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic): ≥ 5.0): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); có chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic) ≥ 5.0 (có giá trị đến ngày 01/10/2025); đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 9:

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{Điểm cộng (chứng chỉ IELTS học thuật (Academic) hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2)} + \text{ĐU'T (nếu có)}$, trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2$;

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2$;

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^5$.

d) Phương thức 10 (xét kết quả học THPT và kết quả đạt giải khuyến khích trong kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong

⁴ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

⁵ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh; đáp ứng điều kiện về ngưỡng đầu vào theo quy định của Thông tin tuyển sinh này.

- Điểm xét tuyển:

$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{Điểm cộng (giải học sinh giỏi)} + \text{ĐU\^T (nếu có)}$, trong đó:

$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2$;

$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2$;

$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^6$.

e) Phương thức 11 (xét kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức): Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả rèn luyện, kết quả học tập năm lớp 11 và năm lớp 12 đánh giá từ Khá trở lên (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2024-2025); học lực xếp loại từ Khá trở lên, hạnh kiểm xếp loại từ Khá trở lên năm lớp 11 và năm lớp 12 (đối với thí sinh là học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 trở về trước); có kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đạt tối thiểu 60/150 điểm hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đạt tối thiểu 600/1200 điểm.

- Điểm xét tuyển:

$\text{ĐXT} = \text{Kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đạt tối thiểu 60/150 điểm hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đạt tối thiểu 600/1200 (sau khi được quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển)}$.

g) Phương thức 12 (xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPTQG năm học 2024-2025): Thí sinh đăng ký dự thi THPTQG năm 2025 các môn thi tương ứng với các tổ hợp môn: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

- Điểm xét tuyển (ĐXT) đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 12:

$\text{ĐXT} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}) + \text{Điểm cộng} + \text{ĐU\^T (nếu có)}^7$

⁶ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

⁷ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh chậm nhất trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, đường Ý La, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	DKS	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát	7380101, III	Ngành Luật, III	300	- Phương thức 1: Kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Phương thức 2: Kết hợp giữa sơ tuyển và xét tuyển kết quả học tập THPT (một trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) ⁸ của thí sinh học tại trường THPT Chuyên hoặc có hệ	Phân bổ không quá 50% chỉ tiêu cho khu vực phía Nam (từ Quảng Trị trở vào), không quá 50% chỉ tiêu cho khu vực phía Bắc (từ Quảng Bình trở ra) số chỉ

⁸ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

					thông lớp Chuyên trực thuộc đại học, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương... - Phương thức 3: Kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả học tập THPT và điểm chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic): ≥ 6.0 hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2 - Phương thức 4: Kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả học tập THPT và kết quả thi Học sinh giỏi Quốc gia (giải khuyến khích) hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh - Phương thức 5: Kết hợp giữa sơ tuyển, xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức - Phương thức 6: Kết hợp giữa sơ tuyển và xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm học 2024-2025 (một	tiêu còn lại sau khi đã trừ đi số thí sinh trúng tuyển diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển năm 2025 và trúng tuyển năm 2024 diện 30a về nhập trường sau khi đã hoàn thành chương trình dự bị đại học. - Tỷ lệ tuyển sinh đối với nữ học sinh: Tối đa 50% chỉ tiêu theo từng phương thức xét tuyển.
--	--	--	--	--	--	--

						trong trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) ⁹	
2.	DKS	Ngành Luật	7380101, III	Ngành Luật, III	Dự kiến 300	- Phương thức 7: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Phương thức 8: Xét tuyển kết quả học tập THPT (một trong trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển)¹⁰ - Phương thức 9: Xét kết quả học tập THPT và điểm chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic): ≥ 5.0 - Phương thức 10: Xét kết quả học THPT và kết quả đạt giải khuyến khích trong kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong	

⁹ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

¹⁰ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

						kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. - Phương thức 11: Xét kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức - Phương thức 12: Xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPTQG năm học 2024-2025 (một trong trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) ¹¹	
3.	DKS	Ngành Luật kinh tế	7380107	Ngành Luật, III	Dự kiến 250	- Phương thức 7: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Phương thức 8: Xét tuyển kết quả học tập THPT (một trong trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) ¹² - Phương thức 9: Xét	

¹¹ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

¹² A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

					kết quả học tập THPT và điểm chứng chỉ tiếng Anh IELTS học thuật (Academic): ≥ 5.0 - Phương thức 10: Xét kết quả học THPT và kết quả đạt giải khuyến khích trong kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. - Phương thức 11: Xét kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức - Phương thức 12: Xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPTQG năm học 2024-2025 (một trong trong các tổ hợp môn đăng ký xét tuyển)¹³	
--	--	--	--	--	--	--

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

a) Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát

¹³ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

- Nguyên tắc xét tuyển: Trường căn cứ kết quả xét tuyển của thí sinh; chỉ tiêu tuyển sinh và việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh theo cơ cấu giới tính, khu vực; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo quy định tại mục 3 phần II Thông tin tuyển sinh này, xét thí sinh trúng tuyển theo nguyên từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách mà nếu lấy tất cả sẽ vượt quá chỉ tiêu ấn định thì việc xét trúng tuyển thực hiện theo tiêu chí sau:

+ Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 2, 6: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn; thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Tiếng Anh cao hơn; thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Ngữ văn cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 3: Ưu tiên thí sinh có kết quả điểm thi chứng chỉ IELTS hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2 cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 4: Ưu tiên thí sinh đoạt giải cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 5: Ưu tiên thí sinh có điểm trung bình chung năm lớp 12 cao hơn.

b) Ngành Luật, ngành Luật kinh tế

- Nguyên tắc xét tuyển: Trường căn cứ kết quả xét tuyển của thí sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo quy định tại mục 3 phần II Thông tin tuyển sinh này, xét thí sinh trúng tuyển theo nguyên từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu phân bổ. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách mà nếu lấy tất cả sẽ vượt quá chỉ tiêu ấn định thì việc xét trúng tuyển thực hiện theo tiêu chí sau:

+ Đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 8, 12: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn; thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng

Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Tiếng Anh cao hơn; thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý): Ưu tiên thí sinh có điểm thi môn Ngữ văn cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 9: Ưu tiên thí sinh có kết quả điểm thi chứng chỉ IELTS cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 10: Ưu tiên thí sinh đoạt giải cao hơn.

+ Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 11: Ưu tiên thí sinh có điểm trung bình chung năm lớp 12 cao hơn.

5.2. Điểm cộng

5.2.1. Điểm cộng

- Đối với phương thức 3 (áp dụng cho thí sinh có chứng chỉ IELTS), cụ thể như sau:

IELTS	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0-9.0
Điểm thưởng (Theo thang điểm 10, tối đa 03 điểm)	1	1,5	2	2,5	3

- Đối với phương thức 9 (áp dụng cho thí sinh có chứng chỉ IELTS), cụ thể như sau:

IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0-9.0
Điểm thưởng (Theo thang điểm 10, tối đa 03 điểm)	1	1,5	2	2,5	3

- Đối với phương thức 4, 10 (áp dụng cho thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia (giải khuyến khích), học sinh giỏi cấp tỉnh (Nhất, nhì, ba)), cụ thể như sau:

Giải HSG	Giải Nhất (cấp tỉnh)	Giải Nhì (cấp tỉnh)	Giải Ba (cấp tỉnh)	Giải KK (cấp Quốc gia)
Điểm thưởng (Theo thang điểm 10, tối đa 03 điểm)	2	1,5	1	1

5.2.1. Điểm cộng và điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh

- Điểm cộng và điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh thành điểm môn Tiếng Anh để đưa vào tổ hợp xét tuyển theo phương thức 6 (áp dụng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để miễn thi tốt nghiệp THPT), cụ thể như sau:

IELTS	6.0	6.5	7.0	7.5	8.0-9.0
Điểm quy đổi (Theo thang điểm 10)	8,5	9,0	9,5	10	10
Điểm thưởng (Theo thang điểm 10, tối đa 03 điểm)	1	1,5	2	2,5	3

- Điểm cộng và điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh thành điểm môn Tiếng Anh để đưa vào tổ hợp xét tuyển theo phương thức 12 (áp dụng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để miễn thi tốt nghiệp THPT), cụ thể như sau:

IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0-9.0
Điểm quy đổi (Theo thang điểm 10)	8,5	9,0	9,5	10	10
Điểm thưởng (Theo thang điểm 10, tối đa 03 điểm)	1	1,5	2	2,5	3

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

5.4. Các thông tin khác

a) Sơ tuyển

Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào trình độ đại học ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội phải đăng ký, nộp hồ sơ sơ tuyển theo quy định của VKSND tối cao được hướng dẫn tại Thông báo sơ tuyển của Trường đăng tải trên Website <http://tuyensinh.kiemsat.edu.vn>.

- Nộp hồ sơ sơ tuyển:

+ Thời gian nộp hồ sơ sơ tuyển dự kiến từ ngày 20/5/2025 đến hết ngày 06/6/2025.

+ Địa điểm nộp hồ sơ sơ tuyển: VKSND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là VKSND cấp huyện) nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của thí sinh.

- Hồ sơ dự sơ tuyển bao gồm:
 - + Đơn xin dự tuyển hoặc xét tuyển (theo mẫu);
 - + Lý lịch tự khai (theo mẫu) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (được khai trong năm 2025); đóng dấu giáp lai ảnh và giữa các trang lý lịch;
 - + Bản sao (có chứng thực) chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân;
 - + Bản trích sao kết quả học tập (theo mẫu) đối với thí sinh đang học lớp 12 THPT hoặc THPT bỏ túc. Nếu thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước thì phải nộp bản sao học bạ và bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời có công chứng, chứng thực;
 - + Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên cấp, trong thời hạn 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự sơ tuyển (bản gốc);
 - + Bốn ảnh chân dung cỡ 4x6;
 - + Phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ và số điện thoại của người nhận thư (để VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi thông báo thời gian, địa điểm sơ tuyển).

Ghi chú: Thí sinh tải các mẫu của hồ sơ sơ tuyển tại Website của Nhà trường theo địa chỉ: <http://tuyensinh.kiemsat.edu.vn>

- Tổ chức sơ tuyển:
 - + VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là VKSND cấp tỉnh) tổ chức sơ tuyển dự kiến từ ngày 09/6/2025 đến hết ngày 20/6/2025.
 - + Thí sinh đạt yêu cầu sơ tuyển sẽ được VKSND cấp tỉnh cấp phiếu chứng nhận đạt sơ tuyển. Trường hợp thí sinh không đủ điều kiện sơ tuyển (cụ thể: thiếu dưới 05 cm về chiều cao hoặc thiếu dưới 05 kg về cân nặng) nhưng đạt giải nhất, nhì trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; giải nhất, nhì trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế về lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi thì Viện trưởng VKSND cấp tỉnh có văn bản báo cáo Lãnh đạo VKSND tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, quyết định.
 - + Thí sinh trực tiếp tra cứu kết quả sơ tuyển tại địa chỉ: <http://sotuyen.kiemsat.edu.vn>
- Nội dung sơ tuyển:
 - + Kiểm tra hồ sơ sơ tuyển và con người cụ thể để đánh giá về người dự sơ tuyển theo Thông báo sơ tuyển của Trường năm 2025 (về đối tượng, điều kiện và hồ sơ đăng ký sơ tuyển) và của văn bản này, ghi vào Phiếu sơ tuyển (theo mẫu

được đăng tải trên Website của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, địa chỉ: <http://tuyensinh.kiemsat.edu.vn>).

+ Phiếu đặt sơ tuyển được lập thành 03 bản: 01 bản cấp cho thí sinh để nộp cùng hồ sơ xác nhận nhập học vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo của Nhà trường (nếu thí sinh trúng tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội); 01 bản gửi về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và 01 bản lưu tại VKSND cấp tỉnh.

+ Viện trưởng VKSND cấp tỉnh ký duyệt, đóng dấu vào Phiếu sơ tuyển đối với những thí sinh đã tham gia vòng sơ tuyển (kể cả đối với những thí sinh không đạt sơ tuyển) và hướng dẫn thí sinh đưa vào hồ sơ xác nhận nhập học khi có thông báo trúng tuyển.

+ Thu lệ phí và cấp giấy biên nhận nộp lệ phí sơ tuyển cho người đăng ký dự sơ tuyển với mức thu: 50.000đ (năm mươi ngàn đồng)/thí sinh.

+ Ngay sau khi kết thúc sơ tuyển, VKSND cấp tỉnh gửi danh sách những thí sinh tham gia sơ tuyển (đạt sơ tuyển và không đạt sơ tuyển) lên Hệ thống Quản lý sơ tuyển của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tại địa chỉ: <http://sotuyen.kiemsat.edu.vn>; đồng thời gửi danh sách thí sinh đạt yêu cầu về sơ tuyển (bản cứng) kèm hồ sơ dự sơ tuyển về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội dự kiến trước ngày 20/6/2025.

b) Nguyên vọng xét tuyển

- Thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển theo phương thức nào trong 12 phương thức thì đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong Thông báo tuyển sinh trình độ đại học năm 2025 của Trường. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như sau:

- + Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- + Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- + Lựa chọn chương trình, ngành (mã xét tuyển).

Trong xét tuyển đợt 1 của Trường, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả điểm xét tuyển của từng phương thức xét tuyển đã được công bố trong Thông tin tuyển sinh này, ứng với chỉ tiêu phân bổ theo khu vực, nam, nữ, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát); ứng với chỉ tiêu phân bổ theo ngành, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký (đối với thí sinh đăng ký

xét tuyển ngành Luật, ngành Luật kinh tế). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

+ Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển

- Hình thức nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong Thông báo tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>. Hồ sơ đăng ký dự tuyển đối với các phương thức 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11 gồm:

* Đối với ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>)

+ Bản sao học bạ THPT có chứng thực;

+ Phiếu đạt sơ tuyển do VKSND cấp tỉnh cấp năm 2025 (bản gốc);

+ Bản sao có công chứng chứng chỉ tiếng Anh IELTS đạt từ 6.0 trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2 theo quy định của Đề án này (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 3);

+ Bản sao có công chứng giấy chứng nhận đoạt giải Học sinh giỏi Quốc gia, Học sinh giỏi cấp tỉnh theo quy định của Đề án này (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển Phương thức 4);

+ Bản sao có công chứng giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cấp (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 5).

* Đối với ngành Luật, ngành Luật kinh tế

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>);

+ Bản sao học bạ THPT có chứng thực;

+ Bản sao có công chứng chứng chỉ tiếng Anh IELTS đạt từ 5.0 trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Nga TPKH-2 theo quy định của Đề án này (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 9);

+ Bản sao có công chứng giấy chứng nhận đoạt giải Học sinh giỏi Quốc gia, Học sinh giỏi cấp tỉnh theo quy định của Đề án này (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển Phương thức 10);

+ Bản sao có công chứng giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh cấp (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 11).

- Đối với phương thức 6, 12, thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo các tổ hợp môn xét tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo lịch đăng ký tham dự thi kỳ thi THPTQG năm 2025.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức tuyển sinh

a) Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Xét tuyển thẳng: Dự kiến trước ngày 3/7/2025.

- Xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Dự kiến từ ngày 12/8 đến ngày 20/8/2025.

- Xét tuyển các đợt bổ sung: Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (nếu có).

Ghi chú: Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh thời gian thi THPTQG và thời gian tuyển sinh (do các điều kiện khách quan) thì thời gian cụ thể để đăng ký xét tuyển, điều chỉnh nguyện vọng, xét tuyển, công bố trúng tuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường sẽ có thông báo trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

b) Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

6.2. Thời gian công bố trúng tuyển, nhập học

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo của Trường đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường: <http://kiemsat.edu.vn>

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

7.1. Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát

a) Xét tuyển thẳng

* Đối tượng xét tuyển thẳng

Thí sinh đạt sơ tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và thuộc một trong những trường hợp sau đây:

(1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), đạt sơ tuyển năm 2025 theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

(2) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào

tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT năm 2025 và đạt sơ tuyển năm 2025 theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

(3) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Những thí sinh này phải đạt điều kiện về học lực: xếp loại học lực các năm lớp 10, 11, 12 đạt loại trung bình trở lên, xếp loại hạnh kiểm khá trở lên, đạt sơ tuyển năm 2025 theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân. Sau khi trúng tuyển, thí sinh thuộc đối tượng này phải học bổ sung kiến thức 01 năm tại một trường dự bị đại học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức gồm 04 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học. Kết thúc đợt học, điểm tổng kết các môn học của thí sinh phải đạt từ 5,0 trở lên mới được Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội xếp vào học cùng khóa tuyển sinh năm 2026. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng đối tượng này không quá 04 chỉ tiêu (sau đây gọi tắt là đối tượng phải học bổ sung kiến thức).

*** Đăng ký dự xét tuyển thẳng**

- Nộp hồ sơ xét tuyển thẳng: Những thí sinh thuộc đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng phải làm thủ tục đăng ký dự thi THPTQG năm 2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển thẳng về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của đối tượng phải học bổ sung kiến thức (đối tượng quy định tại (3) điểm a, mục 7.1 phần II Thông tin tuyển sinh này bao gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;
- + Phiếu đạt sơ tuyển do VKSND cấp tỉnh cấp năm 2025 (bản gốc).

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của đối tượng thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức quy định tại (1), (2) điểm a, 7.1 phần II Thông tin tuyển sinh này bao gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Phiếu đạt sơ tuyển do VKSND cấp tỉnh cấp năm 2025 (bản gốc);

+ Một trong các bản sao có công chứng sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn Học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

*** Tổ chức xét tuyển thẳng**

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

- Thời hạn xét tuyển thẳng: Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện và đưa danh sách trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh. Thời gian xét tuyển thẳng thực hiện theo hướng dẫn Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Nguyên tắc xét tuyển thẳng:

+ Những đối tượng thuộc quy định tại (1), (2) điểm a, mục 7.1 phần II Thông tin tuyển sinh này đáp ứng các điều kiện chung của đối tượng tuyển sinh vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội năm 2025 được quy định tại Thông tin tuyển sinh này, đảm bảo ngưỡng đầu vào quy định tại mục 3 phần II Thông tin tuyển sinh này, đạt sơ tuyển theo quy định của ngành Kiểm sát nhân dân thì được xét công nhận trúng tuyển năm 2025.

+ Những đối tượng thuộc quy định tại (3) điểm a, mục 7.1 phần II Thông tin tuyển sinh này, Hội đồng tuyển sinh xét tuyển trên nguyên tắc: Phân bổ tỉ lệ Nam, Nữ (02 thí sinh nam, 02 thí sinh nữ), sau đó xét điểm thi theo các tổ hợp môn mà Trường dùng để xét tuyển đại học năm 2025 theo nguyên tắc từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu nam, nữ. Trường hợp thí sinh có điểm thi bằng nhau thì ưu tiên những thí sinh thuộc các huyện giáp biên giới.

- Nộp hồ sơ xác nhận nhập học: Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận và nộp hồ sơ nhập học theo kế hoạch chung. Thời hạn nộp hồ sơ thực hiện theo Thông báo của Nhà trường đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>).

b) Ưu tiên xét tuyển

*** Đối tượng ưu tiên xét tuyển**

Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại (1), (2) điểm a, mục 7.1 phần II Thông tin tuyển sinh này không sử dụng quyền tuyển thẳng hoặc thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia mà thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển, có kết quả thi THPTQG năm 2025 của một trong các

tổ hợp môn¹⁴ đáp ứng tiêu chí đảm bảo ngưỡng đầu vào quy định tại tiểu mục 3, phần II của Thông tin tuyển sinh này, đạt sơ tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tại VKSND cấp tỉnh năm 2025.

* Chỉ tiêu tuyển sinh

Không quá 14 chỉ tiêu

* Mức điểm cộng vào tổng điểm xét tuyển

Thí sinh đoạt giải nhất: Cộng 2 điểm. Thí sinh đoạt giải nhì: Cộng 1,5 điểm. Thí sinh đoạt giải ba: Cộng 1 điểm. Thí sinh đoạt giải khuyến khích: Cộng 0,5 điểm. ĐXT là tổng điểm thực tế sau khi đã cộng điểm ưu tiên đoạt giải.

* Đăng ký xét tuyển

Thí sinh phải làm thủ tục đăng ký dự thi THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

+ Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Ít nhất một trong các bản sao có công chứng sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn Học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

+ Phiếu đạt sơ tuyển do VKSND cấp tỉnh cấp năm 2025 (bản gốc).

* Tổ chức xét tuyển

- Thời hạn xét tuyển: Trường tổ chức xét tuyển thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên xét tuyển, đưa danh sách trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; gửi kết quả cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo cho thí sinh. Thời gian xét ưu tiên xét tuyển, gửi kết quả ưu tiên xét tuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét 07 thí sinh nam; 07 thí sinh nữ;

¹⁴ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

+ Xét tuyển theo nguyên tắc xét điểm từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu đối với nam, nữ. Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính như sau:

$ĐXT = (\text{Điểm Môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}) + \text{Điểm ưu tiên theo khu vực (nếu có)} + \text{ĐU'T theo đối tượng (nếu có)} + \text{Điểm cộng, trong đó:}$

$ĐTB \text{ Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2;$

$ĐTB \text{ Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2;$

$ĐTB \text{ Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^{15}.$

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách mà nếu lấy tất cả sẽ vượt quá chỉ tiêu ấn định thì việc xét trúng tuyển thực hiện theo tiêu chí phụ đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 2, 6 quy định tại điểm a, tiểu mục 5.1, mục 5 phần II Thông tin tuyển sinh này.

- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để lựa chọn chương trình, ngành đã trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển thẳng khác.

- Nộp hồ sơ xác nhận nhập học: Thí sinh trúng tuyển nộp hồ sơ và xác nhận nhập học tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo Thông báo của Nhà trường đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

7.2. Ngành Luật, ngành Luật kinh tế

a) Xét tuyển thẳng

** Đối tượng xét tuyển thẳng*

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và thuộc một trong những trường hợp sau đây:

(1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

(2) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT.

* Chỉ tiêu xét tuyển thẳng: Được thực hiện theo số lượng thực tế và được trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025.

¹⁵ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

*** Đăng ký xét tuyển thẳng**

- Nộp hồ sơ xét tuyển thẳng: Những thí sinh thuộc đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng phải làm thủ tục đăng ký dự thi THPTQG năm 2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển thẳng về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng bao gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
+ Ít nhất một trong các bản sao có công chứng sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn Học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

*** Tổ chức xét tuyển thẳng**

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể như sau:

- Thời hạn xét tuyển thẳng: Trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh. Thời gian xét tuyển thẳng thực hiện theo hướng dẫn Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Nguyên tắc xét tuyển thẳng:

+ Những đối tượng thuộc quy định tại (1), (2) điểm a, mục 7.2 phần II đáp ứng các điều kiện chung của đối tượng tuyển sinh vào Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội năm 2025 được quy định tại Thông tin tuyển sinh này, đảm bảo ngưỡng đầu vào quy định tại mục 3 phần II của Thông tin tuyển sinh này thì được xét công nhận trúng tuyển năm 2025.

- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để lựa chọn chương trình, ngành đã trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển thẳng khác.

- Nộp hồ sơ xác nhận nhập học: Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận và nộp hồ sơ nhập học theo kế hoạch chung. Thời hạn nộp hồ sơ thực hiện theo Thông báo của Nhà trường đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>).

b) Ưu tiên xét tuyển

*** Đối tượng ưu tiên xét tuyển**

Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại (1), (2) điểm a, 7.2 phần II Thông tin tuyển sinh này, không sử dụng quyền xét tuyển thẳng hoặc thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia mà thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển, có kết quả thi THPT quốc gia năm 2025 của một trong các tổ hợp môn¹⁶ đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại tiêu mục 2.6, mục 2, phần II của Đề án này.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

Được thực hiện theo số lượng thực tế và được trừ đi trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025.

*** Mức điểm cộng ưu tiên vào tổng điểm xét tuyển**

Thí sinh đoạt giải nhất: Cộng 2 điểm. Thí sinh đoạt giải nhì: Cộng 1,5 điểm. Thí sinh đoạt giải ba: Cộng 1 điểm. Thí sinh đoạt giải khuyến khích: Cộng 0,5 điểm. ĐXT sẽ là tổng điểm thực tế sau khi đã cộng điểm ưu tiên đoạt giải.

*** Đăng ký xét tuyển**

Thí sinh phải làm thủ tục đăng ký dự thi THPTQG năm 2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển về Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông báo tuyển sinh của Nhà trường đăng trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

- Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

+ Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
+ Ít nhất một trong các bản sao có công chứng sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn Học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

*** Tổ chức xét tuyển**

- Thời hạn xét tuyển: Trường tổ chức xét tuyển thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên xét tuyển, đưa danh sách trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; gửi kết quả cho các Sở

¹⁶ A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C02 (Toán, Ngữ văn, Hóa học), C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý), D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa Học, Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

Giáo dục và Đào tạo để thông báo cho thí sinh. Thời gian xét ưu tiên xét tuyển, gửi kết quả ưu tiên xét tuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo nguyên tắc xét điểm từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu. Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm Môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}) + \text{Điểm ưu tiên theo khu vực (nếu có)} + \text{ĐU'T theo đối tượng (nếu có)} + \text{Điểm cộng, trong đó:}$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1})/2;$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2})/2;$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3})/2^{17}.$$

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách mà nếu lấy tất cả sẽ vượt quá chỉ tiêu ấn định thì việc xét trúng tuyển thực hiện theo tiêu chí phụ đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức 7, 12 quy định tại điểm b, tiểu mục 5.1, mục 5 phần II Thông tin tuyển sinh này.

- Nộp hồ sơ xác nhận nhập học: Thí sinh trúng tuyển gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội theo Thông báo của Nhà trường đăng tải trên website: <http://kiemsat.edu.vn>.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng/một nguyện vọng)

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 nộp lệ phí xét tuyển đại học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Trường cam kết thực hiện giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác: Chi tiết tại Thông báo tuyển sinh.

¹⁷ Thực hiện theo mục *Ghi chú* tại điểm b, tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Thông tin tuyển sinh này.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023 (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm 2024 (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	DKS - PT1	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát	7380101	Ngành Luật	Sơ tuyển kết hợp xét kết quả học tập THPT tại Trường chuyên và có hệ thống lớp chuyên	60	394	Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 27,44 Nữ (miền Nam): 25,75 Nam (miền Bắc): 27,63 Nam (miền Nam): 25,6 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 26,45 Nữ (miền Nam): 25,26 Nam (miền Bắc): 24,78 Nam (miền Nam): 26,47 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 28,31 Nữ (miền Nam): 26,81 Nam (miền Bắc): 26,52 Nam (miền Nam): 26,81	60	336	Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 27,09 Nữ (miền Nam): 26,09 Nam (miền Bắc): 26,81 Nam (miền Nam): 25,41 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 27,2 Nữ (miền Nam): 25,7 Nam (miền Bắc): 26,13 Nam (miền Nam): 25,75 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 28,5 Nữ (miền Nam): 25,17 Nam (miền Bắc): 28,16 Nam (miền Nam): 25,22	

								Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 27,5 Nữ (miền Nam): 24,64 Nam (miền Bắc): 25,94 Nam (miền Nam): 24,46			Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 28,26 Nữ (miền Nam): 23,72 Nam (miền Bắc): 26,81 Nam (miền Nam): 24,95	
2.	DKS - PT2	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát	7380101	Ngành Luật	Sơ tuyển kết hợp xét kết quả học tập THPT	60	40	Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 27,95 Nữ (miền Nam): 27,39 Nam (miền Bắc): 28,48 Nam (miền Nam): 27,39 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 27,92 Nữ (miền Nam): 25,75 Nam (miền Bắc): 27,92 Nam (miền Nam): 25,7 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 27,55 Nữ (miền Nam): 27,48 Nam (miền Bắc): 27 Nam (miền Nam): 26,3 Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 27,83 Nữ (miền Nam): 25,46		Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 28,79 Nữ (miền Nam): 28,23 Nam (miền Bắc): 28,79 Nam (miền Nam): 27,88 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 29,05 Nữ (miền Nam): 27,67 Nam (miền Bắc): 28,5 Nam (miền Nam): 26,8 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 29,03 Nữ (miền Nam): 28,16 Nam (miền Bắc): 28,15 Nam (miền Nam): 27,01 Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 28,21 Nữ (miền Nam): 27,01		

								Nam (miền Bắc): 27,05 Nam (miền Nam): 24,15			Nam (miền Bắc): 27,63 Nam (miền Nam): 25,71	
3.	DKS - PT3	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát	7380101	Ngành Luật	Sơ tuyển kết hợp xét kết quả học tập THPT và CC tiếng Anh IELTS	60		Nữ (miền Bắc): 23,3 Nữ (miền Nam): 23,1 Nam (miền Bắc): 27,05 Nam (miền Nam): 0	40		Nữ (miền Bắc): 25,1 Nữ (miền Nam): 24,9 Nam (miền Bắc): 23,25 Nam (miền Nam): 23,26	
4.	DKS - PT4	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm sát	7380101	Ngành Luật	Sơ tuyển kết hợp xét kết quả học tập THPT và kết quả thi HSG QG hoặc cấp tỉnh	40		Nữ (miền Bắc): 19,53 Nữ (miền Nam): 18,64 Nam (miền Bắc): 17,91 Nam (miền Nam): 19,1	40		Nữ (miền Bắc): 19,46 Nữ (miền Nam): 17,03 Nam (miền Bắc): 19,32 Nam (miền Nam): 19,19	
5.	DKS - PT5	Ngành Luật, chuyên ngành Kiểm	7380101	Ngành Luật	Sơ tuyển kết hợp xét kết	140		Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 23,09 Nữ (miền Nam): 20,35	140		Tổ hợp A00 Nữ (miền Bắc): 24,35 Nữ (miền Nam): 22,7	

		sát			quả thi THPT			Nam (miền Bắc):21,8 Nam (miền Nam): 20,10 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 23,14 Nữ (miền Nam): 20,05 Nam (miền Bắc):23,28 Nam (miền Nam): 20,15 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 27,15 Nữ (miền Nam): 25,33 Nam (miền Bắc):26,18 Nam (miền Nam): 21,50 Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 25,6 Nữ (miền Nam): 21,25 Nam (miền Bắc):23,48 Nam (miền Nam): 22,30			Nam (miền Bắc):24,3 Nam (miền Nam): 23,15 Tổ hợp A01 Nữ (miền Bắc): 23,48 Nữ (miền Nam): 22,35 Nam (miền Bắc):24,6 Nam (miền Nam): 20,45 Tổ hợp C00 Nữ (miền Bắc): 28,42 Nữ (miền Nam): 26,03 Nam (miền Bắc):27,58 Nam (miền Nam): 24,20 Tổ hợp D01 Nữ (miền Bắc): 25,51 Nữ (miền Nam): 23,23 Nam (miền Bắc):24,75 Nam (miền Nam): 22,40	
6	DKS PT6	Ngành Luật, chuyên ngành Luật Thương mại			Xét kết quả học tập THPT	100	-	22.9			(Không tuyển sinh)	
7	DKS	Ngành Luật, chuyên			Xét kết quả thi THPT			18			(Không tuyển sinh)	

	PT7	ngành Luật Thương mại										
8	DKS - PT6	Ngành Luật			Xét KQ học tập THPT			(Không tuyển sinh)			24,05	
9	DKS - PT7	Ngành Luật			Xét kết quả học tập THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh IELTS			(Không tuyển sinh)			22,6	
10	DKS - PT8	Ngành Luật			Xét kết quả học tập THPT kết hợp với kết quả thi HSGQG hoặc cấp tỉnh			(Không tuyển sinh)	120		17,4	
11	DKS - PT9	Ngành Luật			Xét kết quả thi THPT			(Không tuyển sinh)			27,62	

12	DKS - PT6	Ngành Luật Kinh tế			Xét kết quả học tập THPT			(Không tuyển sinh)			23,45	
13	DKS - PT7	Ngành Luật Kinh tế			Xét kết quả học tập THPT và CC tiếng Anh IELTS			(Không tuyển sinh)	150		22,45	
14.	DKS - PT8	Ngành Luật Kinh tế			Xét kết quả học tập THPT và kết quả thi HSGQG hoặc cấp tỉnh			(Không tuyển sinh)			17,15	
15.	DKS - PT8	Ngành Luật Kinh tế			Xét kết quả thi THPT			(Không tuyển sinh)			26,86	

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TS. Nguyễn Văn Khoát

PHỤ LỤC 01

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025
của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội)

1. Quy mô đào tạo đại học hệ chính quy tính đến 31/12/2024 (đại học hệ chính quy và văn bằng thứ hai đại học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực....		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		193
2.1	Lĩnh vực...		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		2015
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
3.4.1.1	<i>Ngành....</i>		
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	<i>Vừa làm vừa học</i>		
4.1.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.1.1.1	<i>Ngành...</i>		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.2.1.1	<i>Ngành....</i>		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.3.1.1	<i>Ngành...</i>		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.2.1.1	<i>Ngành....</i>		
5	Từ xa		
5.1	<i>Lĩnh vực...</i>		
5.1.1	<i>Ngành...</i>		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 1.176 ha.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): Nhà trường có ký túc xá cho sinh viên. Việc xét ở ký túc xá được thực hiện theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư

viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 19.675 m²:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	84	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	3.150
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	375
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	19	1.165
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	280
1.5	Số phòng học đa phương tiện	7	280
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	46	4.210
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	546
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	80
	Tổng	84	9.460

2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành tin học	Máy tính Mạng Internet	III
2.	Phòng thí nghiệm lấy dấu vết	Tên thiết bị 1: Dụng cụ lấy mẫu Tên thiết bị 2: Các hóa chất	III

2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Khối ngành III	55.796

3. Danh sách giảng viên

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Nguyễn Văn Khoát		TS	Luật		Luật
2.	Nguyễn Đức Hạnh	PGS	TS	Luật		Luật
3.	Võ Khánh Vinh	GS	TS	Luật		Luật
4.	Trần Hữu Tráng	PGS	TS	Luật		Luật
5.	Trần Văn Luyện	PGS	TS	Luật		Luật
6.	Hồ Sỹ Sơn	PGS	TS	Luật		Luật
7.	Hoàng Anh Tuyên		TS	Luật		Luật
8.	Bùi Thị Hạnh		TS	Luật		Luật
9.	Vũ Đức Hạnh		TS	Luật		Luật
10	Cao Minh Công		TS	Triết		Luật
11	Nguyễn Thị Lộc		TS	Luật		Luật
12	Bùi Thị Thanh Huyền		TS	LL và PP dạy học		Luật
13	Hoàng Xuân Đàn		TS	Luật		Luật
14	Lương Hải Yên		TS	Luật		Luật
15	Trần Thị Thanh		TS	Tâm lý học		Luật
16	Khúc Thị Phương Nhung		TS	Luật		Luật
17	Phan Thị Thu Lê		TS	Luật		Luật
18	Lê Ngọc Duy		TS	Luật		Luật
19	Lê Trung Nghĩa		TS	Lịch sử Đảng		Luật
20	Đỗ Thị Kim Định		TS	Luật		Luật
21	Nguyễn Nhân Ái		TS	NN học so sánh, đối chiếu		Luật
22	Phạm Thị Trang		TS	Luật		Luật
23	Nguyễn Quý Khuyến		TS	Luật		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
24	Nguyễn Thị Thế		TS	Luật		Luật
25	Nguyễn Văn Tiến		TS	Luật		Luật
26	Hà Thị Hằng		TS	LL và lịch sử NN và PL		Luật
27	Ngô Thu Hiền		TS	Đạo đức học		Luật
28	Hoàng Thị Bích Ngọc		TS	Luật		Luật
29	Hoàng Hải Yên		TS	Luật		Luật
30	Dương Đình Công		TS	Luật		Luật
31	Khúc Thị Trang Nhung		TS	Luật		Luật
32	Phùng Thanh Thảo		TS	Xã hội học		Luật
33	Phạm Thị Hồng Hương		ThS	Luật		Luật
34	Phạm Việt Nghĩa		ThS	Luật		Luật
35	Nguyễn Thị Lan Anh		ThS	Luật		Luật
36	Lê Xuân Lục		ThS	Luật		Luật
37	Nguyễn Thị Thu Phương		ThS	Luật		Luật
38	Bùi Thị Hằng Mong		ThS	Luật		Luật
39	Phan Diệu Linh		ThS	Luật		Luật
40	Nguyễn Vương Thùy Dương		ThS	Luật		Luật
41	Lê Thị Thắm		ThS	Luật		Luật
42	Nguyễn Đức Tâm		ThS	Luật		Luật
43	Lê Phương Thanh		ThS	Luật		Luật
44	Chu Bình Minh		ThS	Luật		Luật
45	Lê Thu Hà		ThS	Luật		Luật
46	Lê Thị Thu Hằng		ThS	Luật		Luật
47	Trần Sỹ Dương		ThS	Luật		Luật
48	Nguyễn Thu Hằng		ThS	Luật		Luật
49	Nguyễn Thị Dung		ThS	Luật		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
50	Trần Đức Thành		ThS	Luật		Luật
51	Nguyễn Thị Trà My		ThS	Luật		Luật
52	Phan Thị Lan Anh		ThS	Luật		Luật
53	Nguyễn Thị Phương Hải		ThS	Luật		Luật
54	Lê Ngọc Huyền		ThS	Luật		Luật
55	Nguyễn Thị Kiều Trang		ThS	Luật		Luật
56	Nguyễn Anh Minh		ThS	Luật		Luật
57	Chu Đăng Chung		ThS	Luật		Luật
58	Trần Thị Thu Trang		ThS	Luật		Luật
59	Lê Thị Kim Oanh		ThS	Luật		Luật
60	Nguyễn Thị Hải Yến		ThS	CNTT(SP)		Luật
61	Hoàng Mạnh Hùng		ThS	CNTT		Luật
62	Nguyễn Thị Thúy Nga		ThS	Tiếng Anh (SP)		Luật
63	Phạm Thu Hằng		ThS	Tiếng Anh		Luật
64	Phan Thị Trang		ThS	Ngôn ngữ Anh		Luật
65	Nguyễn Ngọc Sơn		ThS	Tiếng Anh		Luật
66	Hoàng Thị Tú Anh		ThS	Tiếng Anh		Luật
67	Đinh Thị Nga		ThS	Triết học		Luật
68	Nguyễn Thị Hiền		ThS	Triết học		Luật
69	Dương Thị Thư		ThS	Tiếng Anh		Luật
70	Nguyễn Thị Hải Yến		ThS	Luật		Luật
71	Nguyễn Thị Mai Thu		ThS	Luật		Luật
72	Đào Xuân Sáng		ThS	CNTT		Luật
73	Phạm Thị Thu Huyền		ThS	XHH		Luật
74	Đỗ Xuân Sơn		ThS	Luật		Luật
75	Bùi Trọng Vinh		ThS	CNTT		Luật
76	Mai Thu Hằng		ThS	Luật		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
77	Thành Ngọc Thu Ánh		ThS	Luật		Luật
78	Đinh Thị Khánh Linh		ThS	Luật		Luật
79	Lê Thảo Linh		ThS	Luật		Luật
80	Phạm Thảo Linh		ThS	Luật		Luật
81	Phạm Ngân Hà		ThS	Luật		Luật
82	Nguyễn Thị Thu Hằng		Ths	Luật		Luật
83	Vương Sỹ Đại		ThS	Giáo dục học		Luật
84	Nguyễn Văn Điền		ThS	Luật		Luật
85	Nguyễn Thị Tiệp		ThS	Luật		Luật
Tổng số:		05	85			

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học: không.

PHỤ LỤC 02
Danh mục các trường THPT Chuyên, có hệ thống lớp Chuyên trực thuộc
đại học, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
(Ban hành kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025
của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội)

Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường	Ghi chú
01	Hà Nội	01008	Trung học phổ thông (THPT) Chu Văn An	
01	Hà Nội	01009	THPT Chuyên Đại học Sư phạm	
01	Hà Nội	01010	THPT Chuyên Hà Nội Amsterdam	
01	Hà Nội	01013	THPT Chuyên ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	
01	Hà Nội	01011	THPT Chuyên Khoa học tự nhiên	
01	Hà Nội	01012	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	
01	Hà Nội	01079	THPT Sơn Tây	
01	Hà Nội	129	THPT Chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn	
02	TP. HCM	02004	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	
02	TP. HCM	02016	THPT Chuyên Lê Hồng Phong-Thành phố Hồ Chí Minh	
02	TP. HCM	02019	Phổ Thông Năng Khiếu ĐHQG TP. HCM	
02	TP. HCM	02020	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
02	TP. HCM	02055	THPT Nguyễn Thượng Hiền	
02	TP. HCM	02066	THPT Gia Định	
03	Hải Phòng	03013	THPT Chuyên Trần Phú	
04	Đà Nẵng	04005	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
05	Hà Giang	05012	THPT Chuyên tỉnh Hà Giang	
06	Cao Bằng	06004	THPT Chuyên Cao Bằng	
07	Lai Châu	07001	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
08	Lào Cai	08018	THPT Chuyên Lào Cai	
09	Tuyên Quang	09009	THPT Chuyên tỉnh	
10	Lạng Sơn	10002	THPT Chuyên Chu Văn An	

11	Bắc Kạn	11019	THPT Chuyên Bắc Kạn	
12	Thái Nguyên	12010	THPT Chuyên Thái Nguyên	
13	Yên Bái	13001	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	
14	Sơn La	14004	Trường THPT Chuyên	
15	Phú Thọ	15001	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	
16	Vĩnh Phúc	16012	THPT Chuyên Vĩnh Phúc	
17	Quảng Ninh	17001	THPT Chuyên Hạ Long	
18	Bắc Giang	18012	THPT Chuyên Bắc Giang	
19	Bắc Ninh	19009	THPT Chuyên Bắc Ninh	
21	Hải Dương	21013	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	
22	Hưng Yên	22011	THPT Chuyên Hưng Yên	
23	Hoà Bình	23012	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	
24	Hà Nam	24011	THPT Chuyên Biên Hòa	
25	Nam Định	25002	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	
26	Thái Bình	26002	THPT Chuyên Thái Bình	
27	Ninh Bình	27011	THPT Chuyên Lương Văn Tụy	
28	Thanh Hoá	28010	THPT Chuyên Lam Sơn	
29	Nghệ An	29006	THPT Chuyên Phan Bội Châu	
29	Nghệ An	29007	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh	
30	Hà Tĩnh	30040	THPT Chuyên Hà Tĩnh	
31	Quảng Bình	31004	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	
32	Quảng Trị	32024	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
33	Thừa Thiên Huế	33001	THPT Chuyên Quốc Học	
33	Thừa Thiên Huế	33010	Khối Chuyên THPT - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	
34	Quảng Nam	34007	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	
34	Quảng Nam	34010	THPT Chuyên Lê Thánh Tông	
35	Quảng Ngãi	35013	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	
36	Kon Tum	36003	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	
37	Bình Định	37003	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
38	Gia Lai	38005	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	
39	Phú Yên	39005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	

40	Đắk Lắk	40024	THPT Chuyên Nguyễn Du	
41	Khánh Hoà	41017	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
42	Lâm Đồng	42008	THPT Chuyên Thăng Long - Đà Lạt	
42	Lâm Đồng	42093	THPT Chuyên Bảo Lộc	
43	Bình Phước	43003	THPT Chuyên Quang Trung	
43	Bình Phước	43042	THPT Chuyên Bình Long	
44	Bình Dương	44002	THPT Chuyên Hùng Vương	
45	Ninh Thuận	45017	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
46	Tây Ninh	46003	THPT Chuyên Hoàng Lê Kha	
47	Bình Thuận	47013	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo	
48	Đồng Nai	48001	THPT Chuyên Lương Thế Vinh	
49	Long An	49060	THPT Chuyên Long An	
49	Long An	49072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo	
50	Đồng Tháp	50016	THPT Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	
50	Đồng Tháp	50023	THPT Chuyên Nguyễn Quang Diêu	
51	An Giang	51002	THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu	
52	An Giang	51008	THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	
53	Bà Rịa-Vũng Tàu	52004	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
54	Tiền Giang	53016	THPT Chuyên Tiền Giang	
55	Kiên Giang	54002	THPT Chuyên Huỳnh Mãn Đạt	
56	Cần Thơ	55013	THPT Chuyên Lý Tự Trọng	
57	Bến Tre	56030	THPT Chuyên Bến Tre	
58	Vĩnh Long	57015	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	
59	Trà Vinh	58012	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành	
60	Sóc Trăng	59003	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	
61	Bạc Liêu	60009	THPT Chuyên Bạc Liêu	
62	Cà Mau	61016	THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển	
63	Điện Biên	62002	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	
64	Đắk Nông	63037	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	
65	Hậu Giang	64039	THPT Chuyên Vị Thanh	